

T.T.Thích Tâm Ân

Châm cứu học

Nguồn gốc và lịch sử khoa châm cứu

Căn cứ theo sách y học Trung Hoa (Nội kinh tố vấn luận) và tài liệu của Thừa Ạm am một Châm cứu gia trứ danh Trung quốc thì khoa châm cứu là một phương pháp chữa bệnh thời tối cổ của nước này cách đây hơn 5.000 năm.

Người thượng cổ vì sự sống quá thô sơ nên phần nhiều bị ngoại tà xâm nhập làm thịt nhừc, gân co. Khi có bệnh chỉ biết dùng lửa để hơ và dùng đá nhọn để châm chích (thạch khí thời Ại). Cách trị liệu này dần dần đúc kết thành khoa châm cứu ngày nay.

Do kinh nghiệm sống thời thượng cổ, Thánh nhân đã dạy rằng: vì cuộc sống đơn giản của loài người thuở ấy nên việc trị bệnh cũng đơn giản, có khi chỉ lấy tay ấn vào huyết, xoa mạnh vào vùng kinh lạc tập trung, hay hơ Ầm những nơi đó cũng lành bệnh được. Nên phương pháp trị bệnh thuở ấy rất giản dị như Ầm ma, suy nẢ, quẮt thử, huẦn úy, tẦm dục, đỒ hoẢn, phu triẦm, xuy thông, đỀu nhẬp , đẠo đẦn, chẦm cứu, chà bỚp (massage) sửa lẶn xương gân , cẠo gió, bẮt gió xẦng giẮc (fumigation, inhalation, révulasion) tẮm (bain médicamementeuse) thoa rướI (Badigeonage friction) đẶT dẦn (catalasme, emplâtre) thổi thỰt (insufflation) nhẾT hẬu mẦn (suppositoire), thông khoan bằng thuốc hay các chất giúp cho thông Ậi tiỆN (gymnastique), chẦm đỐt vào các kinh lạc của các kinh huyết (acupuncture).

Tất cả các phương pháp trên chỉ có chẦm cứu là quan hệ nhất. Các phương pháp khác chỉ có tính cách phụ trợ, giải quyết tạm thời chứ không thể lành bệnh hẳn được.

Từ khi có văn tự, sự ghi chép và kinh nghiệm về khoa chẦm cứu được hệ thống hoá có qui củ. Trái qua ngàn năm với các kinh nghiệm được thêm thắt lần hồi làm cho khoa chẦm cứu trở nên cực kỳ tinh vi thần diệu. Khoa này thịnh hành nhất từ năm 1277 đến năm 1628 ở Trung Hoa, Cao Ly, nhật Bản và Việt Nam.

Từ đó ngoài những châm cứu gia, các Đông y sư cũng dùng châm cứu để làm trợ liệu cho thang dược, thu thập rất nhiều kết quả khả quan ngoài sức tưởng tượng.

Đến thế kỷ thứ 17 nhân có một số khoa học gia Đông Tây bắt đầu nghiên cứu về khoa này với những quan niệm ôn cố nhi tri tâm làm cho khoa châm cứu được phát triển rộng ra. Phong trào này đã đưa khoa châm cứu tiến thêm một bước khá dài. Đông y cho đó là cơ hội âu phong đông tiệm.

Hiện nay khoa châm cứu đã được thế giới chú ý, cả Tây y cũng đặt thành vấn đề nghiên cứu phối hợp trị liệu cho các bệnh nhân hàng ngày.

Ở Pháp, Đức, Nhật, Đại Hàn, Trung Hoa, vv... đều có thành lập các viện châm cứu, các y viện chuyên trị bệnh bằng khoa này, thu thập hằng ngàn luận án để tổng kết phổ biến kinh nghiệm và 3 năm có họp một lần, một tạp chí ra hàng tháng (R.I.A) được phát hành rộng rãi.

Ở Việt Nam khoa châm cứu chưa được phát triển rộng rãi và chỉ có một số đông y sư áp dụng châm cứu với tính cách phụ trợ cho thang dược mà thôi.

Y sư Nguyễn Văn Quan sau bao năm nghiên cứu ở Nhật, trở về nước mở phòng trị bệnh nhưng thời bấy giờ ít ai hiểu được sự công hiệu của khoa này nên ông lại trở qua Nhật chuyên khảo cứu và xuất bản nhiều quyển sách rất có giá trị.

Từ 1949 đến 1950, sau khi dự Hội nghị châm cứu Quốc tế về, Bác sĩ Nguyễn Văn Ba đã chuyên hướng chữa bệnh bằng khoa châm cứu. Bác sĩ Nguyễn Văn Ba, nghiên cứu nhiều về Đông y và châm cứu, trong việc trị bệnh hằng ngày Bác sĩ Ba thường trị bằng châm cứu và thuốc Tàu.

Bác sĩ Hoàng Mộng Lương tuy chuyên về Tây y nhưng cũng áp dụng phương pháp trị liệu về khoa châm cứu.

Đông y sư có công nghiên cứu về châm cứu và có nhiều kinh nghiệm về thuật này hiện nay rất ít. Ở Nam Việt có cụ Lê Chí Thuần, một Lão y sư có tên tuổi.

Ở Huế có Lão y sư Trần Tiên Hy, Thái Y Nguyễn Văn Ái cũng là bậc Lão Y, Lão Nho, nghiên cứu và áp dụng lâu năm khoa này và đã có rất nhiều kinh nghiệm.

Hiện nay một số Đông y sĩ trẻ tuổi và sinh viên Y khoa đang cố công nghiên cứu áp dụng khoa châm cứu.

II. KHOA CHÂM CỨU VỚI CÁC LOẠI BỆNH

Khoa châm cứu là thuật trị bệnh rất khoa học, dựa vào kinh lạc, cơ điểm của từng tạng phủ, từng hệ thống một của thần kinh của mỗi bộ phận trong người, đúng với nguyên tắc cấu tạo của cơ thể học (cơ thể học: Anatomie)

Nói đến châm cứu đa số còn quan niệm là nó chỉ trị được một số bệnh như đau lưng, nhức đầu, đau bụng, tê bại, thủng trứng hay trúng phong, kinh giản v.v. . . Sự thật, những bậc tiền bối của chúng ta từ rước cũng như các châm y hiện đại của Pháp, Đức, Nhật, Trung Hoa đều đã dùng châm cứu đối phó với vô số bệnh tật. Chúng ta đọc Châm cứu Đại thành hay tạp chí của Hội Châm cứu Quốc tế (Revue international d acupuncture) sẽ thấy, trừ những bệnh về ngoại thương, cơ hồ không có mấy chứng bệnh mà người ta không thể trị bằng khoa châm cứu được. Cổ nhân có nói “vạn bệnh nhất châm”, tuy hơi quá đáng những cũng có bằng cứ vậy.

Trước đây người phương tây (Âu châu) có quan niệm chỉ dùng riêng cho bệnh thuộc về nhiều loại quan năng (Troubles fonctionnelles) gây ra.

Sau này nhờ sự gia công nghiên cứu của các châm gia nhất là ở Nhật (Thời Minh Trị có nhiều Châm y đặt vấn đề khoa học hoá khoa châm cứu) người ta đã chứng minh rằng châm cứu khoa còn trị được cả những chứng bệnh có vi trùng như sốt rét rừng (Paludisme), dịch tả (choléra). Những bệnh về thời khí, kinh niên nội tạng bị hư hao ít nhiều như dạ dày bị trệt (ptôse estomac) cả những bệnh sở quan đến tinh thần (déficiency mentale) , si ngốc (idiotie), điên cuồng (démence, folie) v.v.v .. những bệnh về tâm lý (đau nhức ở mặt vì lúc nhỏ bị nhiều sợ sệt khổ tâm) (theo y án của Bác sĩ Kalma trong R.I.A số tháng 7, 8, năm 1959, đau đầu, ói, mửa vì gặp điều trái ý hay nổi giận dữ (theo y án của Bác sĩ Rebuelto trong tạp chí R.I.A tháng Avril 1951) .

Tuy nhiên có những loại bệnh như ung thư, dương mai thì châm cứu chỉ đóng vai phụ trợ cho thuốc mà thôi. Nói chung, châm cứu trị cả những chứng bệnh mà nội tạng bị tổn thương (lésion)). Thực vậy Thái tử nước Quát bị chứng thi huyết nhờ biển Thước châm ở huyết Duy hộ mà khỏi, Ngụy vũ Đế bị đau đầu, phong, nhờ Hoa Đà châm ở huyết Nào không mà hết bệnh. Kết quả trị liệu đều do ở chỗ thủ thuật cao thấp, huyết vị có được nắm vững hay không.

Trải qua mấy trăm năm khoa châm cứu đã được các bậc tiền bối, nghiên cứu, bồi bổ kinh nghiệm rất nhiều do đó nó trở thành có lý luận, trị liệu châm cứu có căn cội, nghĩa là có luận chứng lập phương không khác nào trị liệu bằng thang dược, đôi khi lại có phần khó hơn.

Một quan niệm khác cho rằng châm cứu chỉ trị được một số bệnh, còn một số bệnh khác phải nhờ uống thuốc. Như chúng ta đã biết khí hóa của Vũ trụ và cơ thể quan hệ đến bệnh tật như thế nào mà châm cứu là khoa trị bệnh phù hợp với khí hoá hơn hết.

Như vậy tại sao châm cứu lại chỉ trị được một số bệnh? điều này trong thực tế hàng ngày đã chứng minh được rất nhiều.

Từ những loại bệnh do ngoại tà xâm nhập đến những bệnh nội thương bởi chính khí của cơ thể suy kém, những kỳ bệnh do biến thể của ra khí, bệnh hiện ngoài da, bệnh hiện trong xương thịt, bệnh phá hoại máu, làm tê liệt một phần hệ thống thần kinh v.v.v .. đã được giải quyết bằng trị liệu châm cứu. Tuy nhiên ,chúng ta vẫn nhận rằng sự hỗ trợ giữa châm cứu và dược tể cũng rất cần.

Âm dương suy kém, vinh vệ không đều, thủy hỏa mất thăng bằng, vận khí không thuận v.v. . . đó là những căn nguyên làm cho con người bệnh tật Và châm cứu đã giải quyết được những căn nguyên của bệnh ở trên. Về trị liệu bằng thang dược và châm cứu, nếu biết xử dụng đúng phương pháp rất nhiều trường hợp được giải quyết nhanh chóng hơn.

Ví dụ: một vài trị liệu cho những bệnh lạ (kỳ bệnh), thời gian dùng thang dược sẽ dài gấp ba bốn lần so với trị liệu châm cứu. Trong thực tế dùng khoa châm cứu để trị bệnh , kinh nghiệm đã cho biết: nhiều bệnh về loại ngoại cảm, từ sơ phát đến khi nhiễm lý phạm vào từng kinh lạc, biến thể nhiều tạng chứng khác (nhứt là loại trúng phong, thương hàn) công năng: tuyền, thông, công, tán của châm cứu rất nhiều hiệu lực.

Ví dụ: tà phạm nặng vào Túc khuyết âm biến thể của chứng này nếu dùng thang dược trị liệu giải quyết sẽ rất chậm trong lúc này nếu dùng châm cứu thời gian sẽ rút ngắn rất nhiều. Những bệnh về nội thương, trừ những cơ thể quá suy nhược mới phải dùng thang dược để trị liệu, ngoài ra thì dùng châm cứu rất kịp thời.

Ví dụ: Tà phạm nặng vào Túc Thiếu âm làm cho kinh này suy yếu biến thể làm ê đầu thường xuyên, tai lũng bưng, đêm ngủ mồ hôi dầm dề, suyễn, khạc ra máu, nếu dùng thang dược để giải quyết tình trạng động kinh này sẽ rất chậm trong lúc cơ thể rất cần bớt sự hành hạ dày vò. Khoa châm cứu trong trường hợp này rất cần.

Nói chung, châm cứu đối với các loại bệnh đều giải quyết được nhất là những bệnh thâm nhiễm lâu ngày thì sức tuyên thông của châm cứu rất mau. Phần trợ liệu của thang dược đối với châm cứu cần trong trường hợp cơ thể suy yếu. Ngược lại phần trợ liệu châm cứu đối với thang dược lại rất cần cho những trường hợp bệnh trạng quá nguy kịch loại thuốc mạnh của thang dược vẫn giải quyết rất chậm.

III. NHẬN THỨC GIỮA TÂY Y VÀ ĐÔNG Y

Đông y là một khoa học cổ hữu của đông phương . Trước thế lực của Tây y tiến bộ đến cực độ và tràn lan mạnh mẽ nếu đông y không có một cơ sở lý luận, một kinh nghiệm trị liệu căn bản thực tế đem lại sức khoẻ cho loài người thì đã bị Tây y chà nát từ lâu.

Đông y đặt mình trên cơ sở toàn là khí hoá cho nên dù lập luận theo phương pháp mới của Tây y, nào giải phẫu, sinh lý chẩn đoán, dược vật, v.v. . chúng ta cũng gặp toàn là khí hoá.

Sự thật thì Đông y và Tây y mỗi đảng có một nguyên lý, học thuyết khác nhau như trời với vực. Tuy nhiên nếu thực tâm vì mục đích cứu khổ và phục vụ cho nhân loại, phá bỏ mọi đồ kỵ nhỏ nhen thì Đông y và Tây y có thể phối hợp mỗi bên một phương pháp sẽ giúp cho đời rất nhiều lợi ích.

Trước Thiên Chúa Giáng sinh 460 năm, phái của Hypocrate cũng chủ trương theo lý thuyết khí hoá của vua Huỳnh đế Đông phương.

Sáu trăm năm sau, phái Galien (Kỷ nguyên 131 – 210) nổi lên lấy vật thể giải phẫu học làm căn cứ. Nhìn sự sống qua thể chất. Hư ngệt chỗ nào thì cứu chữa bộ phận chỗ ấy. Đó là Khoa y học theo nguyên tắc lý thuyết Vật hoá (l'altération de substances).

Nhằm theo xác thịt con người, chữa bệnh bằng lối dùng vật thể thay cho bộ phận của cơ thể hư, Tây y đã đi đến tuyệt điểm theo nguyên tắc lý thuyết của họ nhưng vẫn chưa hoàn toàn thắng bệnh tật. Hiện nay một số Bác sĩ thông thái đã nhìn thấy y học ở Đông phương ngành khí hoá học in hệ thuyết Hypocrate nên liền chú tâm nghiên cứu.

Tây y có tham vọng tìm hiểu kinh nghiệm của Đông y, đông ý có tham vọng thể dụng cơ giới của Tây y, hai điều đó hai bên phải đặt mình trên cơ sở chính đáng mới có cơ hội dung hòa được.

IV. LUẬN VỀ ÂM DƯƠNG KHÍ HOÁ

Vũ trụ là sự điều hợp của hai khí âm và dương. Âm là nặng, đục chìm xuống là đất. Dương là nhẹ, sáng trong nổi ở trên. Qua một chuyển biến về khí hóa, vũ trụ lần lần được trật tự lại.

Tất cả các vật thể trong vũ trụ đều do sự biến chuyển của khí hóa mà thay đổi. Ví dụ: hơi của nước xông lên để chuyển thành mưa. Gió thổi có thể di chuyển đồi dời một hòn núi đất.

Thời gian và không gian cũng được chia ra theo nguyên tắc khí hoá. Đông phương lấy sự biến hóa của khí trong không gian làm tiêu chuẩn để phân chia thời tiết, tháng ngày. Lấy mực độ cao nhất của âm dương tức là độ thuần âm và độ thuần dương. Thí dụ: khí thuần âm lên đến thuần dương là 180 ngày có dư và thuần dương tới thuần âm 180 ngày có dư. Do đó mới định từ khi khí lên cho đến lúc khí xuống nguyên độ cũ là một năm hay hơn 300 ngày, 24 khí, 28 tiết, cùng là 4 mùa. Do chuyển biến khí hoá của vũ trụ nên đã định ra ước lệ về thời gian. ..

Khí trời (dương) chi phối khí của đất (âm) là thuận và ngược lại là nghịch. Khí thuận thì muôn vật sinh hoá dễ dàng, nghịch lại thì muôn vật tiêu hao rồi tàn tạ.

Con người theo luận thuyết đông y là một trong muôn vật, gặp khí tiết của trời đất thanh thì khoẻ mạnh nở nang, khí tiết của trời đất nghịch thì tiêu hao bệnh tật. Trị bệnh cho con người theo phương pháp của đông y là điều hòa khí hóa trong cơ thể cho kịp chiều hướng bất thường của Trời đất.

V. NGŨ HÀNH SANH KHÁC

Khí hóa của đất có 6 loại: Mộc khí, Quân hỏa, Tượng hòa, Thổ khí, Kim khí, Thủy khí.

Khí của trời có 6 loại, người xưa đặt những tên tượng trưng: Dương minh, Thái dương, Thiếu dương, Khuyết âm, Thái âm và Thiếu âm. Cả hai khí của Trời đất phải giao hiệp nhau để thành phong, hàn thử, thấp, táo, hòa. Sái nghịch là vạn vật tiêu hao khổ bệnh.

Khí của trời thuận, chi phối được khí của đất thì sự sinh hóa thuận chiều

Kim sanh thủy,

Thủy sanh mộc

mộc sanh hỏa,

hỏa sanh thổ

thổ sanh kim.

Phong mộc ở mùa xuân sinh luân hỏa.

Huân hòa ở đầu mùa hạ sinh ra tượng hòa ở cuối hạ

Thử hòa ở chính hạ sinh ra thấp thổ

Thấp thổ ở đầu thu sinh ra táo kim

Táo kim ở cuối thu sinh ra hàn thủy.

Hàn thủy ở mùa đông rồi sự sinh hóa đi vòng trở lại cứ thế mà sinh hoá liên tiếp.

Theo Đông y luận: nhân thân là tiểu vũ trụ. Cơ thể con người định thuộc vào khí trời, khí đất, tạng phủ kinh lạc trong cơ thể con người cũng phối hợp chuyển hoá với nhau theo sự chuyển hóa của khí và sự vận hành của trời đất.

Khí trời đất chuyển hóa bất thường thì vũ trụ bịnh và làm cho vạn vật đều bịnh. Sự chuyển hóa của khí, sanh ra bịnh nội thương. Sự chuyển hoá bất thường của trời đất làm ra bịnh ngoại cảm. Lập luận rõ ràng nguyên tắc khí hóa giữa Trời Đất và con người để theo đó mà luận bịnh gọi là khoa Khí Hoá Y lý học (altération des humeurs).

Những vị thuộc chất thể (đổi lại khí thể) trong vũ trụ, đông y liệt về loại ngũ hành (kim mộc, thủy, hỏa, thổ). Những gì thuộc về khí thể (đổi lại chất thể) đều liệt về loại lục khí. (phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa)

Theo đông y hình thể con người có hình trạng song sự đau mạnh của những hình tượng đó không thể chỉ nhìn vào mà luận được. ví dụ: tim yếu, thiếu máu, Tây y cho sang máu và làm yên tim. Đông y cho đó chỉ là trị ngọn. Cách trị của Đông y là luận rõ căn nguyên của bịnh rồi làm cho tim hoạt phát trở lại tự nó làm cho đầy máu. Như vậy đông y làm cho phần khí của tim điều hòa ăn nhịp với các phần khí của các tạng phủ khác.

Bác sĩ Sakurafawa sau khi nghiên cứu về y lý Đông phương cũng nhận chân rằng làm cho điều hòa khí huyết trong cơ thể, hể bên trong tạng phủ đã chỉnh đốn hoàn toàn thì tà khí không thể xâm nhập nhiều nhưong nữa (Il faut créer la constitution, le terrain, le milieu intérieur parfait dans lequel les facteurs maladifs ne peuvent pénétrer ou ne sont plus actifs theo quyển La principe unique).

Ngũ hành tương khắc là: kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim. Khoa châm cứu phân kinh lạc có âm kinh và dương kinh, huyết có ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) tương sanh tương khắc, mỗi thứ đều có ẩn tàng ý nghĩa sâu xa. Như những chứng hư thì dùng cách châm bổ dụng ngũ hành huyết tương sanh để có tác dụng xúc tiến cơ năng mạnh mẽ cho bệnh được bình phục. Thí dụ như: tỳ vị thuộc thổ bị hư nhược thì bổ kinh hỏa huyết vì hỏa sinh thổ. Trái lại những chứng thật thì dùng cách châm tả dụng ngũ hành huyết tương khắc để có tác dụng chế ngự các cơ năng đem lại sự quân bình cho tạng phủ. Ví như gan, mật thuộc mộc đau thật chứng thì tả mộc kinh kim huyết vì kim khắc mộc.

T.T.Thích Tâm Ân

Châm cứu học

Chương 2

PHƯƠNG PHÁP CHÂM

I. Cách tìm huyết và phân tắc

1. Phương pháp tìm huyết

- Cách nhận định vị trí để tìm mỗi huyết có nói rõ ở mỗi chương.

Khi tìm huyết chắc chắn rồi cần phải tra cứu kỹ:

- a) huyết này châm hay đốt.
- b) Nếu là huyết chỉ được châm thì xem có thể châm sâu hay cạn.
- c) Phân biệt huyết chánh hay phụ.
- d) Xét thể trạng và sức khoẻ của người bệnh để xử dụng theo lối châm mạnh (cường châm) châm mau (tốc châm) châm cho ra máu (châm xuất huyết) châm rộng vùng (loạn châm) châm bổ hay châm tả, châm đứng hay xiên hay châm lẻo ngoài da.

2. Phân tắc:

- Phân tắc trong khoa châm cứu không nhất định vì người có lớn nhỏ ốm mập, nên người bệnh nào thì lấy phân tắc của người ấy. Thí dụ như muốn đo lấy một tắc của người bệnh thì bảo họ co ngón tay cái và ngón tay giữa cho đụng nhau. Từ đầu chỉ ta bên trong đến đầu chỉ bên ngoài của lóng giữa ngón tay giữa là một tắc. Đàn ông lấy tay trái, đàn bà bên tay phải, trẻ con cũng đo như vậy.

Đo những huyết trên đầu thì đo từ mé tóc trước trán đến mé tóc phía sau ót là 12 tắc hay là một thước

hai tác. (dùng những huyệt trong mí tóc)

Một cách khác là tìm huyệt dựa theo những điểm chánh của cơ thể, rồi từ những điểm chánh đó đo đến huyệt mình muốn tìm.

Thí dụ: Muốn tìm huyệt Thông thiên ta hãy lấy huyệt chính là Bá hội đo ra hai bên, mỗi bên là một tác rồi đo ra sau 5 phân.

Tìm huyệt ở vùng bụng, thì lấy rún làm điểm chính. Như muốn tìm huyệt Trung Uyển thì từ rún đo lên 3 tác, Thượng uyển đo lên 5 tác. Hạ uyển đo lên 1 tác. từ rún đo xuống một tác 5 là huyệt Khí hải, xuống 3 tác là huyệt Quang nguyên, 4 tác là huyệt Trung cực v.v. . .

Ở vùng lưng lấy Tam hạng cốt (hay Hổ lô cốt) làm điểm chính, để tìm các huyệt khác. Dưới xương này giáp với đốt thư tư là huyệt Đại chùy, dưới một đốt nữa là huyệt Đào đạo, giữa đốt 8 và 9 là huyệt Linh đài, giữa đốt 12 – 13 là huyệt Cân súc, Từ giữa đo ngang ra tìm các huyệt khác. Như huyệt Đào đạo đo ra một bên 2 tác là huyệt Phong môn v.v. . .

Ở một có nhiều điểm chánh như chót và đầu chân mày, khoé miệng, mé tóc v.v. . .

Ở chân điểm chánh là đầu gối, mắt cá và cườm chân. Ở tay ấy đầu xương vai, cùi chỏ, cườm tay.

Ngoài những điểm kể trên còn do ở thực nghiệm và quan sát chuyên môn và linh động mà ta nhận đúng vị trí của mỗi huyệt. Nếu quá chú trọng và câu nệ về phân tác để đo, đôi khi cũng làm sai lạc.

Hiện nay người Nhật dùng ngọn đèn điện để tìm huyệt đạo, khi dò đúng vị trí thì đèn này cháy lên, khiến cho sự tìm huyệt không còn khó khăn nữa.

II. Dụng cụ để châm

Thời thượng cổ dùng đá nhọn để châm, thời Trung cổ thì dùng xương hay tre vót nhọn. Sau thạch khí thời đại con người biết thuật luyện kim và xã hội tiến bộ, kỹ nghệ phát triển lấy cơ giới thay cho thủ công, người ta dùng hợp kim để chế ra, khi sử dụng không gãy hoặc cong và rỉ sét.

Thuở xưa người ta dùng 9 loại kim:

- 1) Tiễn đầu châm: dùng châm cạo ngoài da, hiện giờ dùng kim thật tinh hay kim mai hoa để thay thế còn kim tiễn đầu không thấy sử dụng.
- 2) Viên châm: kim tròn, dùng chà sát trên gân thịt.

- 3) Đê châm: loại kim dùng kích thích ở ngoài da.
- 4) Phong châm: có tên Tam lăng châm (kim 3 khía) dùng châm cho ra máu để làm giảm đau. Thí dụ: đau lưng dữ dội châm huyết Ủy trung cho ra máu, hầu sưng nhức, châm huyết Thiếu thương, dịch tả châm huyết Thập Tuyên, các chứng trên đều được nhẹ .
- 5) Phi châm: Hình giống như lưỡi kiếm, thuở xưa dùng để châm cho ra mủ.
- 6) Viên lợi châm: hình giống như đuôi trâu mũi lớn nhọn thân kim nhỏ để đâm sâu trong những chứng ung thư và tê bại.
- 7) Hào châm: hình giống như sợi lông nhọn, hiện thời loại kim này được phổ biến sâu rộng trong dân chúng.
- 8) Trường châm: hình như chiếc giày, thân kim mỏng mũi nhọn.
- 9) Đại châm: giống như chữ Đại hay chữ hỏa có nhiều người gọi là phần châm, thường dùng xương hay trúc làm cán để cầm , dùng trị những bộ phận trong sâu có mủ, ung thư xương, đau tràng hạt rất có công hiệu.

Hiện nay, người ta thường dùng các loại kim sau đây:

- 1) Hào châm: từ từ 5 phân đến 3 tấc 5 , nhỏ từ số 26 đến 32 v.v. .. thân kim tròn trơn loại này sử dụng rất rộng trong quần chúng.
- 2) Tam lăng châm: kim 3 khía mũi nhọn để châm cho ra máu
- 3) Bì phu châm: cũng gọi là tiểu nhi châm rất nhiều hình thức đại khái như cầm lấy cán gõ lên vị trí của huyết, gõ nhiều hay ít tùy theo bệnh, nên gọi là kim Mai hoa (ít gõ 3 lần, nhiều gõ 5 lần) có tác dụng làm cho da mẫn cảm để điều chỉnh kinh lạc được phần khởi. Đánh mạnh hay nhẹ tùy theo người mập hay ốm. Những người đau lưng gõ vào Du huyết, gõ vào tay chơn và thân kinh mạc sao hay chỗ đau. Mặt khác những bệnh ngoài da, bệnh mắt, bệnh dạ dày, ruột, thần kinh suy nhược dùng trị rất hữu hiệu.
- 4) Hoả châm: loại dụng cụ về ngoại khoa, cán kim làm bằng trúc hay xương. Khi xử dụng dùng gòn bao kim đoạn thoa dầu mè rồi đốt trên lửa đỏ. Khi kim cháy đỏ bỏ gòn châm vào chỗ đau, sau khi châm lập tức lấy kim ra và lấy tay đè lên chỗ đã châm làm cho chỗ đau được hết.

III. Chuẩn bị trước khi châm

- 1) Đối với bệnh nhân cần giải thích châm kim không có gì đau đớn để người bệnh không lo sợ hồi hộp.
- 2) Đối với bệnh nhân suy nhược nên chuẩn bị để nằm hay ngồi. Những người có hiện tượng thiếu máu nên cho nằm, châm nhẹ nhàng và ít huyết để khỏi làm xấy xầm choáng váng. Đối với trẻ con và người bệnh về tinh thần nên đề phòng sự giật mình hay đẩy dựa làm kim bị cong hay gãy.

3) Nên sắp xếp bệnh nhân cho thích hợp để khi châm dễ dàng, dặn người bệnh không nên xô dịch vì sợ làm sai huyết. Đôi khi phải đưa tay há miệng, co tay để có phương tiện tìm cho đúng huyết.

VI. PHƯƠNG PHÁP KHỬ ĐỘC

1) *Khử độc dụng cụ:*

Dụng cụ dùng để châm có những loại kim dài hay ngắn không bằng nhau, kim bằng vàng, bạc, bạch kim khác nhau, nên để có riêng từng loại và khử độc trước khi châm.

Khử độc có 2 cách :

- a) dùng rượu 95% để tẩy ngâm lâu 20 phút
- b) Nấu sôi bằng nước 10 phút
- c) Mỗi khi khử độc chỉ dùng một lần, dùng lần sau phải khử độc lại.

2) *Khử độc ở tay:*

Tay châm cứu gia cũng phải khử độc bằng rượu 95% trước khi cầm kim và không nên tiếp xúc với những vật chưa khử độc.

- 3) Khử độc ngoài da bệnh nhân:
- 4) Phải khử độc trên da bệnh nhân chỗ mình muốn châm

V. LÚC CHÂM VÀ SAU KHI CHÂM

1) *KHI CHÂM KIM:*

Khi châm lấy tay đè xuống vị trí của huyết để báo hiệu cho người bệnh biết trước mình sắp châm kim vào ít đau đớn. Sau đó nên quan sát kỹ lại có đúng vị trí và phân tác đã định hay không.

Lúc châm kim vào từ từ nhưng sau rồi phải đẩy mạnh vào tùy theo sâu cạn.

Để kim lâu hay mau cũng tùy người bệnh khoẻ hay mệt, mập hay yếu, sức kích thích của huyết mạnh hay yếu, thời tiết nóng hay lạnh.

Đối với người cường tráng nở nang, khí huyết sung thịnh, có thể để kim lâu tới 10 phút. Người già yếu, đàn bà xương yếu da mềm không nên để kim lâu. Trẻ em huyết thiếu, khí kém, bộ sanh dục chưa nảy nở cần dùng kim rất nhỏ và không nên để lâu. Nếu gặp đứa nhỏ bệnh nặng thì nên chia nhiều thời kỳ để trị.

2) Khi lấy kim:

Nên lấy kim từ từ không nên vội vã lắm, làm thế nào cho người bệnh không đau, đồng thời để cho khí độc trong khí huyết bài tiết ra ngoài, đó là phương pháp vừa bỏ vừa tả. Nếu như lúc lấy kim ra mà người bệnh có cảm giác đau đớn hay lấy ra khó khăn thì ta lấy hai ngón tay bên tay trái chặn thịt ở nơi huyết, bấy giờ lấy ra sẽ dễ dàng. Trường hợp kim bị cong hay da thịt chỗ huyết co rút lại, ta nên bình tĩnh châm một huyết khác để thần kinh ở da được thăng bằng lại. Nếu kim không ra thì lấy ngón tay cái thoa chung quanh để gân thịt trở lại bình thường thì lấy kim ra dễ dàng.

4) Khi châm người bệnh bị xây xẩm:

5) Sau khi nhận thức chứng bệnh và đặt phương pháp trị liệu nhưng vấp phải người bệnh thể chất quá suy nhược hoặc trạng thái bệnh chứng quá trầm trọng. Cũng có thể châm gia kém kỹ thuật lúc châm dùng sức quá mạnh làm cho bệnh nhân choáng váng mặt mày, tâm thần hoảng hốt, đổ mồ hôi, mắt có hoa đốm, sắc mặt tái xanh, có khi tay chơn đều lạnh, ụa mửa, sáu mạch đều nhỏ yếu. Gặp trường hợp này châm gia nên bình tĩnh lần lượt lấy hết kim ra, để người bệnh nằm xuống, nếu nhẹ thì cho uống nước trà nóng, nếu nặng thì châm huyết Thiếu Xung, huyết Thiếu Thương, huyết Nhon Trung, huyết Túc Tam Lý hoặc đốt huyết Bá hội khiến cho người bệnh tỉnh lại.

4) Sau khi châm: Sau khi châm người bệnh có cảm giác đau ở huyết song một vài hôm sẽ trở lại bình thường. Nguyên nhân này tại châm gia kém kỹ thuật rút kim. Hoặc giả sau khi châm chỗ huyết hành đở nổi cục vài hôm sau cục đó biến đi sự kiện này do lúc châm trúng phải huyết quản làm tổn thương. Trường hợp này nên lấy ít ngải đốt nơi chỗ sưng hay đắp nước nóng lên một vài hôm thì khỏi.

T.T.Thích Tâm Ân

Châm cứu học

Chương 3

PHƯƠNG PHÁP ĐỐT

1) VẬT LIỆU ĐỂ ĐỐT

Ngải là một thực vật nơi ẩm thấp chỗ nào cũng có thể mọc được. nhưng tốt hơn hết là ngải ở kỳ châu xứ Hồ Bắc .

Dùng ngải để uống thì làm cho khí huyết lưu thông, trị tử cung lạnh không thọ thai, có kinh đau bụng, hông trước lên biếng ăn, ăn giảm sứt, dịch tả, ỉa mửa v.v. ..

Dùng bên ngoài để làm mạnh ngưng dương, thông kinh mạch điều hòa khí huyết. Dùng để đốt làm ấm sâu vào kinh huyết, ngoài nó ra không còn thứ nào hay hơn nữa. Hiện nay người ta thường dùng ngải ở Nhựt về chế luyện để đốt. Ngải để lâu chừng nào công hiệu mạnh chừng ấy. Mạnh tử nói: Bệnh 5 năm dùng ngải để lâu 3 năm đốt thì hết.

II) PHƯƠNG PHÁP ĐỐT:

Cần biết nên đốt bỏ hay đốt tả:

a) Đốt bỏ: Dùng gừng sống cắt lát dây khoảng 4 hay 5 ly rộng 8 ly đến 1 phân lót nơi vị trí huyết để ngải nhưng lên đốt (đốt gián tiếp).

Đốt tả: cắt gừng mỏng 1 ly hay 2 ly.

b) Định rõ số liệu cần thiết của mỗi huyết.

c) Vùng đốt của huyết lớn hay nhỏ.

d) Trước đốt bên dương (phía ngoài) sau đốt bên âm (phía trong)

e) Trước đốt trên, sau đốt dưới.

f) Bệnh cũ đốt nhỏ lần và ít.

g) Bệnh đau lâu, trước đốt nhỏ lần lần thêm lớn lên. Thân thể cường tráng và lớn thì đốt liều lớn và nhiều, thân thể hư nhược thì ngược lại. Đầu, mặt, ngực hông nên đốt ít và nhỏ. Đau bụng nên đốt nhiều, liều lớn, đau ở tứ chi thì đốt ở liều nhỏ.

T.T.Thích Tâm Ân

Châm cứu học

Chương 4

THIÊN THỨ HAI

SỰ LƯU HÀNH CỦA KINH HUYỆT
PHƯƠNG PHÁP CHÂM CỨU

THỦ THÁI ÂM PHẾ KINH

(Méridien du poumon (5 huyết x 2)

Sự lưu hành của kinh huyết

Kinh Thái âm nối tiếp từ kinh Túc khuyết âm, bắt đầu ở bộ phận Huyệt Trung uyên, chạy xuống liên lạc với ruột già, đến cuốn bao tử xuyên lên Hoàn cách mạc đi vào Phế kinh đến đầu cuốn phổi rồi xuyên qua phía trái đến bên mặt, tới dưới huyệt Trung phủ trên huyệt Vân môn phía dưới xương sườn. Nơi đây đi qua kinh Khuyết âm, phía trước chạy lên trên vai đến các huyệt Thiên phủ, huyệt xích trạch, huyệt Khổng tối, huyệt Liệt khuyết, huyệt Kinh cự, huyệt Thái uyên, nơi dưới cựa u trên bàn tay là huyệt Ngự tế, đến trên chót phía trong đầu ngón tay cái là huyệt Thiếu Thương. Từ huyệt Liệt Khuyết, thần kinh chia ra và chạy vòng phía sau là huyệt Hiệp cốc trên đầu ngón trỏ phía trong có thần kinh liên lạc với Thủ Dương Minh.

1) Huyệt Xích Trạch:

Huyệt này có tên riêng là huyệt Ủy thọ, Quý đường thuộc Thủ Thái âm Phế kinh chạy vào hiệp Thủy huyệt.

a) Phương pháp tìm huyệt:

Ngay cánh tay ra, bàn tay ngửa tay lên, cùi chỏ hơi co lại, trên đây hiện lên một lằn ngang, ở giữa lằn ngang này có một lỗ hổng, đó là vị trí của huyệt.

b) Phương pháp châm cứu:

Châm sâu từ ba (3) đến (5) phân (cắm đốt) . Có thể dùng kim ba khía (tam lăng) đâm cho ra máu.

c) Chủ trị:

- Thần kinh ở vai nhức
- Bán thân bất toại
- Đau đầu voi
- con nít co rút
- Kinh phong
- Ho hen
- Phổi sưng
- Ho đàm.
- Phổi có mụt
- Mữa ra máu
- Cuống họng đau
- uất hơi
- Hông nóng
- Đi tiểu gắt
- Tiểu xón

d) Phương pháp phối hợp

- châm với huyệt Thái Uyên và huyệt Xích trạch, trị cùi chỏ đau .
- Châm với huyệt Khúc Trì, trị gân co rút và bàn tay nhức

c) Tham khảo các sách:

- Phương pháp tìm huyệt: hai bên trong cùi chỏ trong lúc hơi co lại có một lằn nằm ngang, bên trong có hai sợi gân nổi lên ăn thông xuống ngón tay cái và ngón trỏ; Huyệt xích trạch nằm nơi giữa.
- Phương Thiên Kim bảo: Cuống họng sưng và hông đau, sưng bên trong thì đốt huyệt này 100 liều.